

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2026/TB-MTG.

Tây Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2026.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội



Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP MT Gas thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần MT Gas

- Mã chứng khoán: MTG
- Địa chỉ: 5/1 Quốc lộ 1A, Ấp Bến Lức 6, xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh
- Điện thoại liên hệ/Tel: (0272) 3634713 Fax: (0272) 3871672.
- Email: Phongnt@mtgas.com.vn Website: <http://www.mtgas.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025.

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn lệ thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 20/03/2026 tại đường dẫn: <http://www.mtgas.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2025

- CV giải trình

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



NGUYỄN ANH TÚ

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 35



CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

5/1 Quốc lộ 1A, ấp Bến Lức 6, xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần MT Gas trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần MT Gas (gọi tắt là “ Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MT Gas, Giấy đăng ký kinh doanh số 5003000179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 12/02/2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp chuyển đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1100480979, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 22 ngày 05/12/2025 của Sở tài chính tỉnh Tây Ninh cấp về việc thay đổi địa chỉ do cập nhật địa giới hành chính.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: MT GAS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: MT GAS.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 ngày 05/12/2025 là 104.500.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm linh bốn tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên thị trường UpCOM từ ngày 25/6/2015 với mã giao dịch là MTG.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 5/1 Quốc lộ 1A, ấp Bến Lức 6, xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trương Hữu Phước	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Minh Hải	Thành viên
Ông Lương Văn Kiếm	Thành viên
Ông Hosokoji Yu	Thành viên
Ông Sakamoto Shinichiro	Thành viên
Ông Lại Văn Tú	Thành viên (Bỏ nhiệm từ ngày 17/4/2025)
Ông Kobayashi Naoki	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 17/4/2025)
Ông Nguyễn Anh Tú	Thành Viên

BAN KIỂM SOÁT

Ông Quách Trọng Nghĩa	Trưởng ban
Ông Dương Trung Kiên	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Anh Tú	Tổng Giám đốc
Ông Trần Duy Luân	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 14/01/2025)



CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

5/1 Quốc lộ 1A, ấp Bến Lức 6, xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Anh Tú
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 16 tháng 3 năm 2026

N:
CÔ
T
IÊN
AV
H:
00
CÔ
C
MT
Lúc

*Số: 102/2026/BCKT-CPA VIETNAM-HCM***BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần MT Gas

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần MT Gas, được lập ngày 16/3/2026 từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần MT Gas tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Lê Thanh Tùng Lâm
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 5475-2026-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/1/2025
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		103.061.567.712	183.132.523.288
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	7.277.362.101	33.587.045.748
1. Tiền	111		2.277.362.101	13.439.131.276
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	20.147.914.472
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		19.778.717.771	32.093.745.857
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	19.778.717.771	32.093.745.857
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		72.353.002.621	101.413.171.831
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	73.930.165.779	103.067.245.174
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	641.612.000	578.506.731
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1.645.816.797	1.632.011.881
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.8	(3.864.591.955)	(3.864.591.955)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	2.328.028.813	12.312.226.541
1. Hàng tồn kho	141		2.328.028.813	12.312.226.541
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.324.456.406	3.726.333.311
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	943.651.013	1.043.846.558
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		380.805.393	2.682.486.753
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		79.026.247.619	81.803.712.422
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.210.000	12.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	12.210.000	12.000.000
II. Tài sản cố định	220		57.781.288.042	63.531.467.436
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	57.781.288.042	63.444.143.436
- Nguyên giá	222		91.179.520.715	91.493.892.970
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.398.232.673)	(28.049.749.534)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	87.324.000
- Nguyên giá	228		571.548.377	571.548.377
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(571.548.377)	(484.224.377)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		21.232.749.577	18.260.244.986
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	21.232.749.577	18.260.244.986
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		182.087.815.331	264.936.235.710

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/1/2025
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		61.642.247.218	137.124.350.251
I. Nợ ngắn hạn	310		59.340.493.498	126.873.477.512
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	54.216.113.579	121.551.019.646
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	187.179.382	81.875.442
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.162.086.771	2.429.876.408
4. Phải trả người lao động	314		866.321.410	844.971.709
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		90.000.000	59.939.815
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	400.638.261	1.905.794.492
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	2.331.725.993	-
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		86.428.102	-
II. Nợ dài hạn	330		2.301.753.720	10.250.872.739
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	2.301.753.720	2.351.071.744
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	-	7.899.800.995
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		120.445.568.113	127.811.885.459
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	120.445.568.113	127.811.885.459
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		104.500.000.000	104.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		104.500.000.000	104.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.130.600.000	8.130.600.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		671.665.980	671.665.980
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		530.654.057	530.654.057
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.612.648.076	13.978.965.422
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.238.297.427	4.898.496.493
- LNST chưa phân phối năm này	421b		4.374.350.649	9.080.468.929
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		182.087.815.331	264.936.235.710

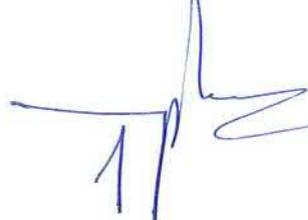
Tây Ninh, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Ngọc

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phúc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	248.680.143.629	681.159.796.622
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	23.196.202.397	46.983.968.844
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	225.483.941.232	634.175.827.778
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	202.648.898.949	600.662.730.051
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		22.835.042.283	33.513.097.727
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.912.339.331	587.911.090
7. Chi phí tài chính	22	6.4	386.011.628	1.047.995.885
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		386.011.628	1.047.995.885
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	13.636.517.417	12.814.229.550
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	8.486.620.813	8.128.501.211
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		2.238.231.756	12.110.282.171
11. Thu nhập khác	31	6.6	3.368.067.069	370.835.867
12. Chi phí khác	32	6.6	85.922.733	994.942.472
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	3.282.144.336	(624.106.605)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		5.520.376.092	11.486.175.566
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.146.025.443	2.405.706.637
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.374.350.649	9.080.468.929
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	419	867

Tây Ninh, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Ngọc

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phúc

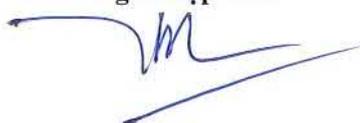
Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS TM	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.520.376.092	11.486.175.566
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	6.496.099.353	5.927.726.629
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.158.829.765)	232.470.838
- Chi phí lãi vay	06	386.011.628	1.047.995.885
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.243.657.308	18.694.368.918
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	28.248.698.013	104.196.771.799
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9.984.197.728	(7.632.351.975)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(68.694.605.889)	(35.886.378.252)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.872.309.046)	2.054.922.306
- Tiền lãi vay đã trả	14	(386.011.628)	(1.047.995.885)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.405.706.637)	(488.317.776)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.204.239.893)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(27.086.320.044)	79.891.019.135
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.554.522.117)	(21.044.113.284)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.055.092.592	830.050.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.534.971.914)	(30.893.745.857)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	18.850.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.025.281.888	587.911.090
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	16.840.880.449	(50.519.898.051)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	8.130.600.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	262.935.324
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.568.075.002)	(9.721.134.329)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.496.169.050)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(16.064.244.052)	(1.327.599.005)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(26.309.683.647)	28.043.522.079
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	33.587.045.748	5.543.523.669
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70 5.1	7.277.362.101	33.587.045.748

Người lập biểu

Nguyễn Hồng Ngọc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Phúc

Tây Ninh, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tú



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần MT Gas được chuyển đổi từ Công ty TNHH MT Gas, Giấy đăng ký kinh doanh số 5003000179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 12/02/2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp chuyển đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1100480979, và các giấy phép thay đổi sau đó với lần gần nhất là lần thứ 22 ngày 05/12/2025 của Sở tài chính tỉnh Tây Ninh cấp về việc thay đổi địa chỉ do cập nhật địa giới hành chính.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: MT GAS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: MT GAS.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 ngày 05/12/2025 là 104.500.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm linh bốn tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên thị trường UpCOM từ ngày 25/6/2015 với mã giao dịch là MTG.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 5/1 Quốc lộ 1A, ấp Bến Lức 6, xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 73 người (tại ngày 31/12/2024 là 74 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Thiết kế, gia công lắp đặt bồn bể, thiết kế áp lực; Mua bán thiết bị ngành xăng dầu, khí hóa lỏng;
- Sản xuất chai chứa khí áp lực LPG, CNG...;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại (trừ môi giới bất động sản), ủy thác mua bán hàng hóa;
- Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), trạm chiết LPG, CNG;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn bếp gas và các thiết bị phụ trợ ngành gas;
- Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;
- Dịch vụ quản lý, kinh doanh, điều hành, khai thác cảng;
- Sửa chữa và bảo dưỡng chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); CNG; NH₃, CO₂; bình chữa cháy;
- Kinh doanh: Chiết nạp khí hóa lỏng LPG, xăng, dầu, dầu mỡ nhờn;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông. Kinh doanh cảng biển, cảng sông;
- Mua bán: vật tư, thiết bị máy móc công nghiệp, sản phẩm cơ khí, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Cho thuê kho bãi; Nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà cho thuê. Xây dựng: Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, dân dụng, công nghiệp. San lấp mặt bằng. Mua bán: vật liệu xây dựng, trang trí nội - ngoại thất. Xuất nhập khẩu khí hóa lỏng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) sửa chữa, bảo dưỡng chai khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc Doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có một đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc là Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần MT Gas, địa chỉ tại Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đứng đầu Văn phòng đại diện Công ty là ông Nguyễn Anh Tú. Hoạt động chính là giao dịch và tiếp thị.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo Công văn số 103/2024/CV-ASP ngày 26/7/2024 về việc chấm dứt sử dụng nhãn hiệu “Gia đình Gas” kể từ ngày 01/9/2024, hoạt động kinh doanh của Công ty đã bị ảnh hưởng đáng kể, dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2025 giảm rõ rệt so với năm 2024.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

19,
TY
H
JÁN
NA
31
48
'G
'H
G
T.
=

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản trong đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 14
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 15

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 03 năm đến 08 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê tài sản hữu hình để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí mua bảo hiểm tài sản

Các khoản chi phí mua bảo hiểm tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn có hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sơn, sửa vỏ bình gas, kiểm định vỏ bình gas

Các khoản chi phí sơn, sửa vỏ bình gas, kiểm định vỏ bình gas được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 60 tháng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí vỏ bình gas

Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Chi phí thuê dịch vụ trả trước cho nhiều kỳ

Chi phí quảng cáo, chi phí bảo hiểm, thuê mặt bằng trả trước cho nhiều kỳ kế toán được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng dịch vụ.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí khác: Trích trước khi thực tế đã phát sinh nhưng Công ty chưa nhận được hóa đơn chứng từ liên quan.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của Chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các sản phẩm liên quan đến nhà bếp) và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

11/01/2025
KI
/01/01
/01
:01
:01
IT
/01

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu từ phân bổ khoản ký cược vỏ bình gas

Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo đường thẳng với thời hạn phân bổ là 10 năm.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:** Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	-	25.594.667
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.277.362.101	13.413.536.609
Các khoản tương đương tiền (i)	5.000.000.000	20.147.914.472
Tổng	<u>7.277.362.101</u>	<u>33.587.045.748</u>

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Sài Gòn với lãi suất 4,75% năm.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>31/12/2025 (VND)</u>		<u>01/01/2025 (VND)</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Ngắn hạn	19.778.717.771	19.778.717.771	32.093.745.857	32.093.745.857
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	19.778.717.771	19.778.717.771	32.093.745.857	32.093.745.857
Tổng	<u>19.778.717.771</u>	<u>19.778.717.771</u>	<u>32.093.745.857</u>	<u>32.093.745.857</u>

(i) Tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 9 tháng tại các Ngân hàng TMCP với lãi suất áp dụng từ 4,0% đến 4,7%/năm, được thế chấp để đảm bảo cho việc cấp tín dụng của các Ngân hàng TMCP, chi tiết tại các Thuyết minh số 7.1.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	29.600.068.993	39.167.713.669
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Dầu Khí Trường Phát	22.297.656.294	36.102.222.154
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	14.224.858.214	17.379.696.715
Công ty TNHH Khí Dầu Mỏ Hóa Lông	2.048.295.856	6.948.295.856
Be Ta Gas		
Các đối tượng khác	5.759.286.422	3.469.316.780
Tổng (i)	73.930.165.779	103.067.245.174
<i>Trong đó,</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>68.756.986.358</i>	<i>99.688.426.199</i>

Tại ngày 31/12/2025, quyền đòi nợ từ các khoản phải thu từ các Hợp đồng mua bán LPG chai (Gas) với tổng giá trị tối thiểu là 55.000.000.000 VND được thế chấp để đảm bảo cho việc cấp tín dụng của Ngân hàng, chi tiết tại Thuyết minh số 7.1.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Giải pháp Kỹ thuật Nam Việt	-	99.800.640
Công ty Cổ phần Dịch vụ An toàn Dầu Khí Việt Nam	-	40.909.091
Chi Nhánh Công ty TNHH Một Thành Viên Bình Khí Đốt Hong Vi Na	200.880.000	-
Các đối tượng khác	440.732.000	437.797.000
Tổng	641.612.000	578.506.731
<i>Trong đó,</i>		
<i>Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>200.880.000</i>	<i>-</i>

5.5 Phải thu khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.645.816.797	(1.402.434.632)	1.632.011.881	(1.402.434.632)
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	100.000.000	-	100.000.000	-
Phải thu người lao động	1.538.588.246	(1.402.434.632)	1.524.783.330	(1.402.434.632)
Các khoản khác	7.228.551	-	7.228.551	-
b) Dài hạn	12.210.000	-	12.000.000	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn và bình gas	12.210.000	-	12.000.000	-
Tổng	1.658.026.797	(1.402.434.632)	1.644.011.881	(1.402.434.632)

19/12/2025
TỶ H ÁN N A
31/12/2025
T 11

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	470.317.513	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.224.039.994	-	1.107.425.497	-
Thành phẩm	100.536.777	-	203.488.955	-
Hàng hóa	1.003.452.042	-	10.530.994.576	-
Tổng	2.328.028.813	-	12.312.226.541	-

Tại ngày 31/12/2025, Công ty đã thế chấp toàn bộ số dư hàng tồn kho để đảm bảo cho khoản tiền vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn.

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	943.651.013	1.043.846.558
Chi phí bảo hiểm tài sản	106.045.386	103.363.268
Chi phí công cụ, dụng cụ	174.202.588	132.727.451
Chi phí trả trước khác	663.403.039	807.755.839
b) Dài hạn	21.232.749.577	18.260.244.986
Chi phí vỏ bình gas (i)	10.647.894.398	7.941.649.422
Chi phí sơn sửa, bảo dưỡng, thay van, kiểm định vỏ bình gas (ii)	10.361.843.272	10.065.189.667
Chi phí trả trước khác	223.011.907	253.405.897
Tổng	22.176.400.590	19.304.091.544

(i) Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

(ii) Chi phí sơn sửa, bảo dưỡng, thay van, kiểm định vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS
5/1 Quốc lộ 1A, ấp Bến Lức 6,
xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh

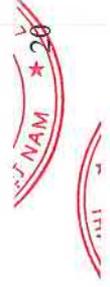
Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8 Nợ xấu

Đối tượng	31/12/2025 (VND)				01/01/2025 (VND)			
	Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi	Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng								
Gas Thanh Hùng	Trên 03 năm	803.795.007	(803.795.007)	-	Trên 03 năm	803.795.007	(803.795.007)	-
DNTN SX TM & XNK Thuận Huy	Trên 03 năm	166.856.123	(166.856.123)	-	Trên 03 năm	166.856.123	(166.856.123)	-
Các đối tượng khác	Trên 03 năm	1.491.506.193	(1.491.506.193)	-	Trên 03 năm	1.491.506.193	(1.491.506.193)	-
Phải thu ngắn hạn khác								
Các đối tượng khác	Trên 03 năm	1.402.434.632	(1.402.434.632)	-	Trên 03 năm	1.402.434.632	(1.402.434.632)	-
Tổng		3.864.591.955	(3.864.591.955)	-		3.864.591.955	(3.864.591.955)	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2025	65.550.645.306	17.897.871.323	5.255.948.250	752.591.855	2.036.836.236	91.493.892.970
Tăng trong năm	170.000.000	566.358.481	818.163.636	-	-	1.554.522.117
Mua trong năm	170.000.000	566.358.481	818.163.636	-	-	1.554.522.117
Giảm trong năm	(1.000.000.000)	-	(868.894.372)	-	-	(1.868.894.372)
Thanh lý, nhượng bán	(1.000.000.000)	-	(868.894.372)	-	-	(1.868.894.372)
Số dư tại ngày 31/12/2025	64.720.645.306	18.464.229.804	5.205.217.514	752.591.855	2.036.836.236	91.179.520.715

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư tại ngày 01/01/2025	12.750.554.197	8.920.038.596	3.589.728.650	752.591.855	2.036.836.236	28.049.749.534
Tăng trong năm	4.566.292.809	1.503.637.720	338.844.824	-	-	6.408.775.353
Khấu hao trong năm	4.566.292.809	1.503.637.720	338.844.824	-	-	6.408.775.353
Giảm trong năm	(191.397.842)	-	(868.894.372)	-	-	(1.060.292.214)
Thanh lý, nhượng bán	(191.397.842)	-	(868.894.372)	-	-	(1.060.292.214)
Số dư tại ngày 31/12/2025	17.125.449.164	10.423.676.316	3.059.679.102	752.591.855	2.036.836.236	33.398.232.673

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2025	52.800.091.109	8.977.832.727	1.666.219.600	-	-	63.444.143.436
Tại ngày 31/12/2025	47.595.196.142	8.040.553.488	2.145.538.412	-	-	57.781.288.042

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025: 13.467.541.349 VND (tại ngày 01/01/2025: 14.534.497.698 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định cầm cố, thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2025 với giá trị là 38.510.774.237 VND (tại ngày 01/01/2025 là 41.563.147.361 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2025	571.548.377	571.548.377
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	<u>571.548.377</u>	<u>571.548.377</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2025	484.224.377	484.224.377
Tăng trong năm	87.324.000	87.324.000
Khấu hao trong năm	87.324.000	87.324.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	<u>571.548.377</u>	<u>571.548.377</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2025	<u>87.324.000</u>	<u>87.324.000</u>
Tại ngày 31/12/2025	<u>-</u>	<u>-</u>

Trong đó:

Nguyên giá tài sản vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 370.356.400 VND (tại ngày 01/01/2025 là 257.181.977 VND).

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu Khí An Pha	9.257.769.807	9.257.769.807	2.937.402.086	2.937.402.086
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	17.978.394.732	17.978.394.732	40.997.309.678	40.997.309.678
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	25.462.197.358	25.462.197.358	75.793.729.275	75.793.729.275
Phải trả người bán khác	1.517.751.682	1.517.751.682	1.822.578.607	1.822.578.607
Tổng	<u>54.216.113.579</u>	<u>54.216.113.579</u>	<u>121.551.019.646</u>	<u>121.551.019.646</u>

Trong đó,

Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

<i>Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>27.378.179.549</i>	<i>27.378.179.549</i>	<i>44.039.010.008</i>	<i>44.039.010.008</i>
---	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------

D.N
CỔ
T
KIẾ
:PA
/0/H
/0
:0
:0
/

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu Khí An Pha	150.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sắt thép Trung Hà	-	71.693.342
Đối tượng khác	37.179.382	10.182.100
Tổng	187.179.382	81.875.442
<i>Trong đó,</i>		
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>150.000.000</i>	<i>-</i>

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
Phải nộp	2.429.876.408	1.215.462.596	2.483.252.233	1.162.086.771
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.405.706.637	1.146.025.443	2.405.706.637	1.146.025.443
Thuế thu nhập cá nhân	24.169.771	4.582.258	12.690.701	16.061.328
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	64.854.895	64.854.895	-

5.14 Phải trả khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	400.638.261	1.905.794.492
Kinh phí công đoàn	37.691.946	12.900.156
Bảo hiểm xã hội	894.244	894.244
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	46.169.050	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác, trong đó:	315.883.021	1.892.000.092
<i>Các khoản chiết khấu thương mại phải trả</i>	<i>210.906.158</i>	<i>1.856.684.092</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>104.976.863</i>	<i>35.316.000</i>
b) Dài hạn	2.301.753.720	2.351.071.744
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (i)	2.301.753.720	2.351.071.744
Tổng	2.702.391.981	4.256.866.236
<i>Trong đó,</i>		
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>210.906.158</i>	<i>1.848.467.425</i>

- (i) Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas (10 năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS
5/1 Quốc lộ 1A, ấp Bến Lức 6,
xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.15 Vay ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2025 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản vay ngắn hạn						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>						
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn (i)	2.331.725.993	2.331.725.993	2.331.725.993	-	-	-
b) Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn (i)	-	-	-	7.899.800.995	7.899.800.995	7.899.800.995
Tổng	2.331.725.993	2.331.725.993	2.331.725.993	7.899.800.995	7.899.800.995	7.899.800.995

(i) Vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 018/020/23/0000115 ngày 18/9/2023:

Hạn mức thấu chi : 18.000.000.000 VND

Mục đích : Tài trợ nhu cầu mua tài sản cố định của Công ty

Thời hạn vay : 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên;

Lãi suất vay : Lãi suất áp dụng cố định trong 1 năm đầu tính từ ngày giải ngân đầu tiên là 8%/năm. Sau thời gian áp dụng lãi suất cố định: Lãi suất cho vay = lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ đối với khách hàng cá nhân của Ngân hàng cộng (+) 3,0%/năm nhưng không thấp hơn sản cho vay cùng kỳ hạn theo công bố của Ngân hàng từng thời kỳ. lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng /lần.

Hình thức đảm bảo tiền vay : Thế chấp tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

Số dư tại ngày 31/12/2025 : 2.331.725.993 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS5/1 Quốc lộ 1A, ấp Bến Lức 6,
xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024	63.000.000.000	-	671.665.980	530.654.057	4.898.496.493	69.100.816.530
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	9.080.468.929	9.080.468.929
Tặng vốn	41.500.000.000	8.130.600.000	-	-	-	49.630.600.000
Số dư tại ngày 31/12/2024	104.500.000.000	8.130.600.000	671.665.980	530.654.057	13.978.965.422	127.811.885.459
Số dư tại ngày 01/1/2025	104.500.000.000	8.130.600.000	671.665.980	530.654.057	13.978.965.422	127.811.885.459
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	4.374.350.649	4.374.350.649
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(10.450.000.000)	(10.450.000.000)
Trích lập quỹ thưởng Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc (i)	-	-	-	-	(382.621.102)	(382.621.102)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	(908.046.893)	(908.046.893)
Số dư tại ngày 31/12/2025	104.500.000.000	8.130.600.000	671.665.980	530.654.057	6.612.648.076	120.445.568.113

Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-DHĐCĐ-MTG ngày 17/4/2025 như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 908.046.893 VND.
- Trích Quỹ thưởng ban Tổng Giám đốc với số tiền là 116.621.102 VND.
- Trích Quỹ thưởng Hội đồng quản trị với số tiền là 466.484.407 VND, do một số thành viên Hội đồng Quản trị không nhận quỹ thưởng này.
- Chia cổ tức với tỷ lệ 10% trên vốn điều lệ của Công ty với số tiền là 10.450.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha	42.563.450.000	42.563.450.000
Ông Nguyễn Anh Tú	30.000.000.000	30.000.000.000
Ông Trương Hữu Phước	16.030.000.000	15.580.000.000
Các cổ đông khác	15.906.550.000	16.356.550.000
Tổng	104.500.000.000	104.500.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	104.500.000.000	63.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	41.500.000.000
Vốn góp tại cuối năm	104.500.000.000	104.500.000.000
Cổ tức đã chia	10.450.000.000	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.450.000	10.450.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.450.000	10.450.000
Cổ phiếu phổ thông	10.450.000	10.450.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.450.000	10.450.000
Cổ phiếu phổ thông	10.450.000	10.450.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	671.665.980	671.665.980
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	530.654.057	530.654.057
Tổng	1.202.320.037	1.202.320.037

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.17 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số nợ đã xóa		Thời điểm xóa nợ
	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND	
Công ty TNHH TM DV Khí đốt Nam Việt	2.583.837.341	2.583.837.341	Năm 2020
Tạm ứng dự án Cảng Tân Tập	1.239.222.215	1.239.222.215	Năm 2020
Công ty TNHH Thành Long	262.789.405	262.789.405	Năm 2020
Công ty TNHH SX-XK Gốm Mỹ Nghệ Long Trường	232.379.461	232.379.461	Năm 2020
Công ty TNHH An Hiệp	214.325.059	214.325.059	Năm 2020
Công ty TNHH Đầu Tư Dịch vụ Thương Mại Thành Thắng	241.354	241.354	Năm 2023
Các đối tượng khác	183.603.262	183.603.262	Năm 2020
Tổng	4.716.398.097	4.716.398.097	

Nguyên nhân của việc xóa nợ: các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán và được trích lập dự phòng 100%, sau 03 năm từ thời điểm trích lập dự phòng, Công ty không thu hồi được nợ do không liên lạc được với đối tượng phải thu, đồng thời, các đối tượng phải thu này không có mặt tại địa điểm cư trú (đối với các khoản tạm ứng cho cá nhân) hoặc địa điểm kinh doanh (đối với tổ chức).

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	218.742.693.163	661.968.653.618
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.915.711.141	17.651.527.798
Doanh thu từ phân bổ ký quỹ ký cược vô bình gas	1.279.918.024	1.539.615.206
Doanh thu khác	741.821.301	-
Tổng	248.680.143.629	681.159.796.622
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	23.196.202.397	46.983.968.844
Tổng	23.196.202.397	46.983.968.844
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	195.546.490.766	614.984.684.774
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.915.711.141	17.651.527.798
Doanh thu từ phân bổ ký quỹ ký cược vô bình gas	1.279.918.024	1.539.615.206
Doanh thu khác	741.821.301	-
Tổng	225.483.941.232	634.175.827.778
<i>Trong đó,</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>230.197.132.077</i>	<i>523.669.544.379</i>
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>23.071.982.254</i>	<i>14.951.400.419</i>

N: 0
 CÔNG
 T N
 IỂM
 VI
 HÀ
 100
 CỘ
 CỘ
 MT
 LỨC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	191.420.098.117	592.513.496.514
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.213.800.832	8.149.233.537
Giá vốn khác	15.000.000	-
Tổng	202.648.898.949	600.662.730.051
<i>Trong đó,</i>		
<i>Mua hàng từ các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>37.360.418.608</i>	<i>427.407.471.516</i>

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.912.339.331	587.911.090
Tổng	1.912.339.331	587.911.090
<i>Trong đó,</i>		
<i>Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>315.175.620</i>	<i>-</i>

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	386.011.628	1.047.995.885
Tổng	386.011.628	1.047.995.885

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí bán hàng	13.636.517.417	12.814.229.550
Chi phí nhân viên	927.055.855	685.701.368
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	11.939.624.044	9.723.112.115
Chi phí khấu hao TSCĐ	133.333.344	186.582.046
Chi phí dịch vụ mua ngoài	591.538.643	2.161.965.992
Chi phí bằng tiền khác	44.965.531	56.868.029
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.486.620.813	8.128.501.211
Chi phí nhân viên quản lý	5.374.788.976	4.851.142.745
Chi phí đồ dùng văn phòng	80.699.824	110.329.415
Chi phí khấu hao TSCĐ	292.835.480	272.005.839
Thuế phí và lệ phí	5.000.000	29.536.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.694.885.192	2.840.932.346
Chi phí bằng tiền khác	38.411.341	24.554.866
Tổng	22.123.138.230	20.942.730.761

1019
3 TY
HH
TOÁ
ETN
NỘI

48
IG
PI
C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	246.490.434	-
Thu nhập từ chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	824.660.198	370.835.867
Lãi chậm thanh toán	2.296.916.437	-
Tổng	3.368.067.069	370.835.867
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	-	820.381.928
Các khoản khác	85.922.733	174.560.544
Tổng	85.922.733	994.942.472
Lợi nhuận khác	3.282.144.336	(624.106.605)
<i>Trong đó,</i>		
<i>Thu nhập khác với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>2.296.916.437</i>	<i>-</i>

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.520.376.092	11.486.175.566
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>209.751.125</i>	<i>542.357.618</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>209.751.125</i>	<i>542.357.618</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	5.730.127.217	12.028.533.184
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	5.730.127.217	12.028.533.184
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.146.025.443	2.405.706.637

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	4.374.350.649	9.080.468.929
Các khoản điều chỉnh (i)	-	(1.290.667.995)
<i>Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành (VND)</i>	<i>-</i>	<i>(1.290.667.995)</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.374.350.649	7.789.800.934
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	10.450.000	8.983.288
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	419	867

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

(i) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, khen thưởng ban điều hành. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, khen thưởng ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày lại do trong năm 2025 Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ-MTG ngày 17/4/2025 của Công ty, theo đó trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành 1.290.667.995 VND, do đó việc xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trừ số trích trên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 thay đổi như sau:

(i) Trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024:

	Số đã báo cáo	Số trình bày lại	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	9.080.468.929	9.080.468.929	-
Các khoản điều chỉnh (VND)	-	(1.290.667.995)	(1.290.667.995)
<i>Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành (VND)</i>	-	<i>(1.290.667.995)</i>	<i>(1.290.667.995)</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	9.080.468.929	7.789.800.934	(1.290.667.995)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	8.983.288	8.983.288	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.011	867	(144)

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	186.199.020.134	590.366.698.015
Chi phí nhân công	14.502.930.505	12.199.841.459
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.496.099.353	5.927.726.629
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.588.530.474	14.683.517.973
Chi phí khác bằng tiền	116.208.705	540.055.250
Tổng	217.902.789.171	623.717.839.326

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các cam kết

Cam kết được cấp tín dụng

Công ty ký kết các Hợp đồng tín dụng trong đó các Ngân hàng cam kết cấp tín dụng cho Công ty, các thông tin chính như sau:

Ngân hàng	Thông tin hợp đồng	Các điều khoản chính về cấp tín dụng
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hội An	Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 02/2025-HĐCBLHM/NHCT484-MT GAS ngày 30/10/2025	<ul style="list-style-type: none">- Hạn mức cấp bảo lãnh là 55.000.000.000 VND;- Thời gian duy trì hạn mức được tính từ ngày 30/10/2025 đến ngày 31/8/2026;- Phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với nội dung GDKDN của Công ty và được Ngân hàng chấp thuận- Tài sản đảm bảo: hợp đồng tiền gửi với giá trị là 18.500.000.000 VND; toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển và quyền đòi nợ từ các khoản phải thu của Công ty.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn	Hợp đồng cấp tín dụng số 018/020/25/0095-CV ngày 16/7/2025	<ul style="list-style-type: none">- Giới hạn cấp tín dụng: 25.000.000.000 VND;- Thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng tối đa không vượt quá ngày 22/7/2026;- Biện pháp đảm bảo: hợp đồng tiền gửi với giá trị là 1.200.000.000 VND; toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển, quyền đòi nợ từ các khoản phải thu của Công ty và tài sản cố định của Công ty.

M.S.D
KI
CP
PHC

11
C
C
N
ENL

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2. Thông tin về các bên liên quan

a. Danh sách các bên liên quan:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu Khí An Pha	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	Công ty con của Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
3	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty con của Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
4	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	Công ty con của Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
5	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết của Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
6	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt
7	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết của Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
8	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bình khí đốt Hong Vi Na	Công ty liên kết của Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	Công ty liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt
10	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí Trường Phát	Công ty liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt
11	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Xuân Nam	Công ty liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt
12	Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết của Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
13	Công ty TNHH LPG Năng Lượng Xanh	Công ty liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt
14	Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác tại Công ty và những thành viên thân cận trong gia đình của những người này	Ảnh hưởng đáng kể

N: 01
CÔNG
TNI
EM T
A VIE
HÀ I
004
ÔN
Ô F
IT
Ức

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

b. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và người quản lý khác (i)

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Trương Hữu Phước	Chủ tịch	366.500.000	-
Ông Nguyễn Hữu Minh Hải	Thành viên	66.500.000	-
Ông Lương Văn Kiếm	Thành viên	66.500.000	-
Ông Hosokoji Yu	Thành viên	-	-
Ông Sakamoto Shinichiro	Thành viên	-	-
Ông Lại Văn Tú	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 17/4/2025)	-	-
Ông Kobayashi Naoki	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 17/4/2025)	-	-
Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên	183.121.102	-
Tổng		682.621.102	-

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-MTG ngày 17/4/2025, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị là 0 VND, chủ tịch Hội đồng quản trị là 25.000.000 VND/ tháng. Các thành viên được nhận Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị năm 2024 sau khi Công ty phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-MTG ngày 17/4/2025.

c. Thù lao của Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Quách Trọng Nghĩa	Trưởng ban	24.000.000	16.000.000
Ông Dương Trung Kiên	Thành viên	12.000.000	8.000.000
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	12.000.000	8.000.000
Tổng		48.000.000	32.000.000

d. Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Nguyễn Anh Tú	Tổng Giám đốc	791.456.000	660.000.000
Ông Trương Công Khanh	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	-	250.000.000
Ông Nguyễn Thanh Phong	Người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty	466.288.000	336.000.000
Tổng		1.257.744.000	1.246.000.000

019
 3 TY
 H
 OÁ
 TN
 101
 80
 G
 H
 G
 T.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

e. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Mua hàng			
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Dầu Khí An Pha	Mua hàng hóa	37.360.418.608	427.407.471.516
	Mua dịch vụ khác	15.749.090.000	82.356.822.889
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Mua hàng hóa	4.504.931.005	4.794.056.561
	Mua dịch vụ khác	-	337.143.470.744
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Mua dịch vụ khác	321.506.901	2.238.531.143
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Mua hàng hóa	-	97.119.336
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	Mua hàng hóa	8.090.250	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	Mua hàng hóa	10.244.983.157	-
	Mua dịch vụ khác	12.857.144	120.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Mua hàng hóa và dịch vụ khác	8.198.880	93.298.620
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Xuân Nam	Mua hàng hóa và dịch vụ khác	624.031.271	564.172.223
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bình khí đốt Hong Vi Na	Mua hàng hóa và dịch vụ khác	5.886.730.000	-
Bán hàng			
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Dầu Khí An Pha	Phí gửi kho, dịch vụ	230.197.132.077	523.669.544.379
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bình khí đốt Hong Vi Na	Bán hàng hóa	330.450.852	467.992.992
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Bán hàng hóa	780.123.260	15.184.756.166
	Phí thuê xe, dịch vụ khác	73.379.765.476	98.641.047.893
Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	Bán hàng hóa, dịch vụ	81.272.730	157.409.094
Công ty TNHH Khí Dầu Mỏ Hóa Lỏng Be Ta Gas	Dịch vụ khác	16.820.469.073	12.476.860.288
	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	64.529.241.229
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	21.907.512
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí Trường Phát	Bán hàng hóa	46.408.406.585	64.073.789.608
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hoàng Anh	Bán hàng hóa	88.854.214.287	200.117.121.040
Công ty TNHH LPG Năng Lượng Xanh	Bán hàng hóa	-	64.687.260.161
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Bán hàng hóa	3.542.429.814	-
	Bán hàng hóa	-	3.312.158.396
Doanh thu hoạt động tài chính			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí Trường Phát	Lãi cho vay	315.175.620	-
	Lãi phạt chậm thanh toán	315.175.620	-
Thu nhập khác			
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Lãi phạt chậm thanh toán	2.296.916.437	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí Trường Phát	Lãi phạt chậm thanh toán	1.456.747.374	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	Lãi phạt chậm thanh toán	692.550.955	-
	Lãi phạt chậm thanh toán	147.618.108	-
Giao dịch khác			
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Chiết khấu được hưởng	23.071.982.254	14.951.400.419
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí Trường Phát	Chiết khấu được hưởng	11.018.434.828	10.904.836.592
Công ty TNHH LPG Năng Lượng Xanh	Chiết khấu được hưởng	11.325.100.852	-
Công ty TNHH Khí Dầu Mỏ Hóa Lỏng Be Ta Gas	Chiết khấu được hưởng	728.446.574	-
	Chiết khấu được hưởng	-	4.046.563.827

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

f. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>	68.756.986.358	99.688.426.199
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	-	90.497.805
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	2.048.295.856	6.948.295.856
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	29.600.068.993	39.167.713.669
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	14.224.858.214	17.379.696.715
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí Trường Phát	22.297.656.294	36.102.222.154
Công ty TNHH LPG Năng Lượng Xanh	586.107.001	-
<u>Trả trước cho người bán ngắn hạn</u>	200.880.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bình khí đốt Hong Vi Na	200.880.000	-
<u>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</u>	150.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu Khí An Pha	150.000.000	-
<u>Phải trả người bán ngắn hạn</u>	27.378.179.549	44.039.010.008
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu Khí An Pha	9.257.769.807	2.937.402.086
Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	17.978.394.732	40.997.309.678
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	-	233.244
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Xuân Nam	142.015.010	104.065.000
<u>Phải trả khác ngắn hạn</u>	210.906.158	1.848.467.425
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	44.973.704	938.681.364
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí Trường Phát	-	909.786.061
Công ty TNHH LPG Năng Lượng Xanh	165.932.454	-

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Tây Ninh, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Ngọc

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phúc

Phòng Giám đốc



Nguyễn Anh Tú



Starting our operation from 2004 up to now, CPA VIETNAM is always proud to be one of the independent auditing companies with a reputable brand name trusted by many customers in the field of auditing and accounting in Vietnam. Our the goal is that through the professional provision of specialized services, we will help our customers to innovate their internal management system and promote their potentials to create outstanding values. That is the greatest success for our the sustainable and prosperous development. CPA VIETNAM will continue to maintain our brand name in the future.

www.cpavietnam.vn



Building a world class accounting alliance takes time - since 1989, INPACT has grown steadily and has carefully selected each and every member firm. All of our members pass through a rigorous selection process that ensures stringent criteria related to range of services, local reputation and approach to providing services can be met. We only admit firms which can prove they know their local jurisdiction like the back of their hand and which have experience of handling matters that have international dimensions. Our members embrace a service culture that emphasises personal service, rapid response times, reliability and innovative thinking.

www.inpactglobal.org



CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

Số: 112/2026/MTG

V/v Giải trình lợi nhuận sau thuế giảm hơn 10% so với năm 2024.

CÔNG VĂN

Tây Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2026

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần MT Gas đã được Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam kiểm toán, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vẫn diễn ra bình thường, ổn định.

Công ty giải trình bổ sung lợi nhuận năm 2025 giảm so với năm 2024 bởi các nguyên nhân sau:

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tăng/giảm
1. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.835.042.283	33.513.097.727	(10.678.055.444)
2. Doanh thu hoạt động tài chính	1.912.339.331	587.911.090	1.324.428.241
3. Chi phí tài chính	386.011.628	1.047.995.885	(661.984.257)
2. Chi phí bán hàng	13.636.517.417	12.814.229.550	822.287.867
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.486.620.813	8.128.501.211	358.119.602
4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.238.231.756	12.110.282.171	(9.872.050.415)
5. Lợi nhuận khác	3.282.144.336	(624.106.605)	3.906.250.941
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.520.376.092	11.486.175.566	(5.965.799.474)

Nguyên nhân:

- Lợi nhuận gộp giảm khoảng 32% so với năm 2024, nguyên nhân chính do sản lượng bán hàng giảm mạnh.
- Doanh thu tài chính tăng do lãi các sổ tiết kiệm đang thế chấp tại ngân hàng để mở Bảo lãnh thanh toán cho Nhà cung cấp.
- Chi phí tài chính giảm do giảm dư nợ khoản vay tại ngân hàng Vietcombank.
- Chi phí bán hàng tăng chủ yếu do chi phí bảo dưỡng, kiểm định định kỳ vỏ bình gas tăng.



CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng nhẹ chủ yếu do điều chỉnh lương cơ bản cho nhân viên và chi phí mở Bảo lãnh thanh toán cho Nhà cung cấp.
 - Lợi nhuận khác tăng do N2025 Công ty có khoản thu từ phạt chậm thanh toán của khách hàng.
- Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận của Công ty năm 2025 giảm mạnh so với năm 2024.

Trân trọng.

